

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 10,950 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -1.8%      | 10.9%   | 10.2%   |

|                       |                |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch         | HSX            |
| Khoảng giá 52 tuần    | 9,550 - 11,250 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 299            |
| Số lượng CPLH (CP)    | 27,323,976     |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 35,811         |
| Sở hữu nước ngoài     | 14.7%          |
| Beta                  | 0.09           |
| EPS                   | 390            |
| P/E                   | 28.0           |

DT thuần

Q1/24

90.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.2| -19.0%

YoY: ▲ 2.00| 2.2%

LN trước thuế

Q1/24

-5.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.3| -128%

YoY: ▲ 4.76| 44.5%

LN sau thuế

Q1/24

-6.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.0| -134%

YoY: ▲ 3.94| 37.5%

ROA

2023

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2023

426

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -7.3%

LN trước thuế

2023

11.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.40| -35.4%

LN sau thuế

2023

6.75

tỷ VNĐ

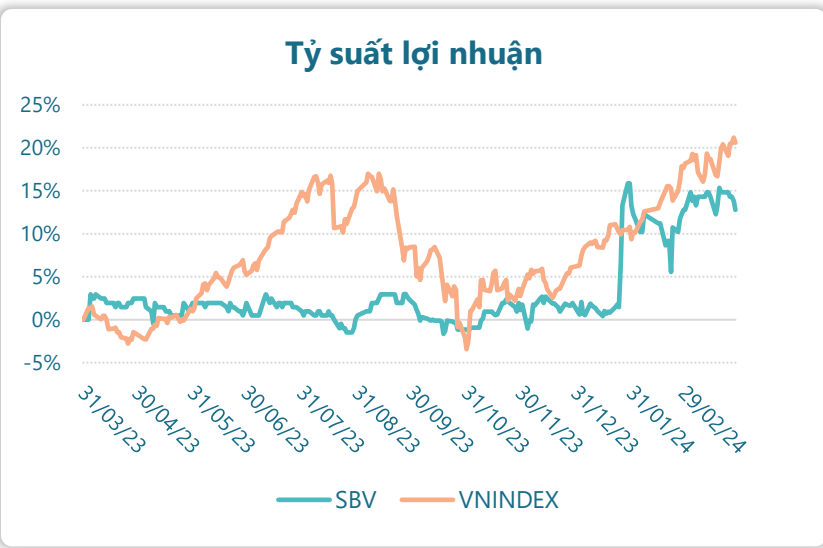
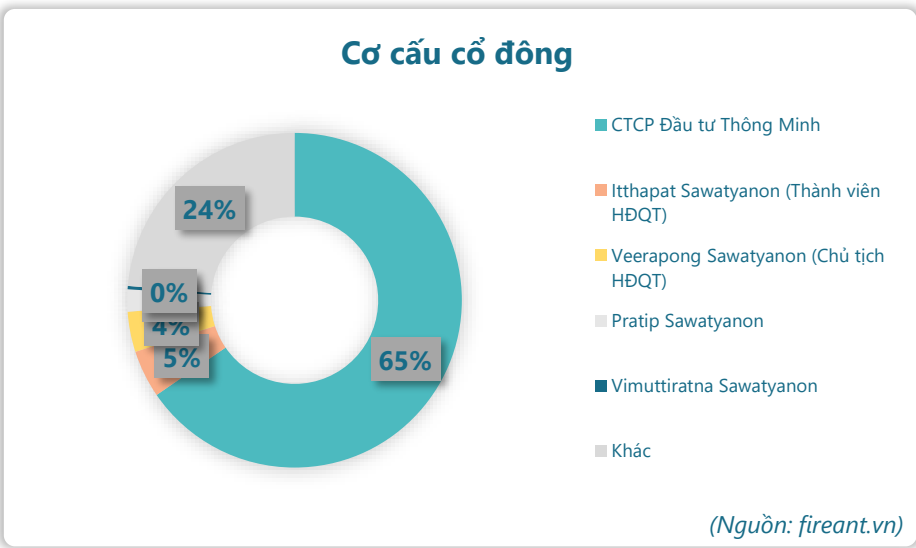
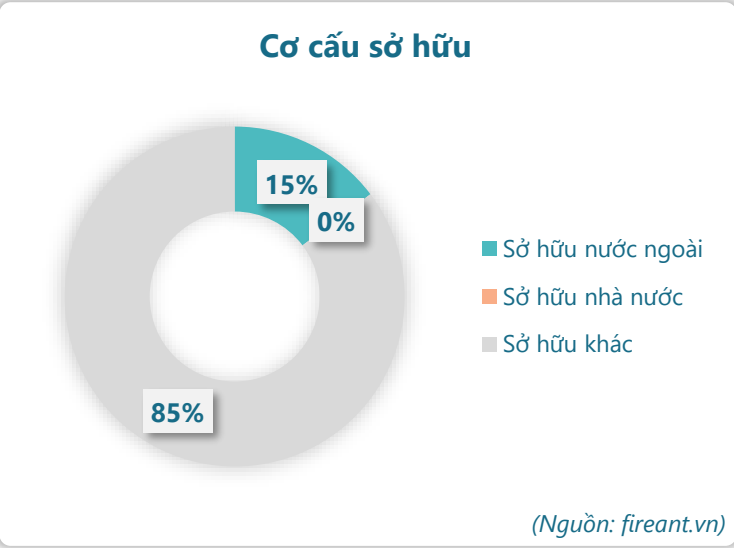
YoY: ▼6.35| -48.3%

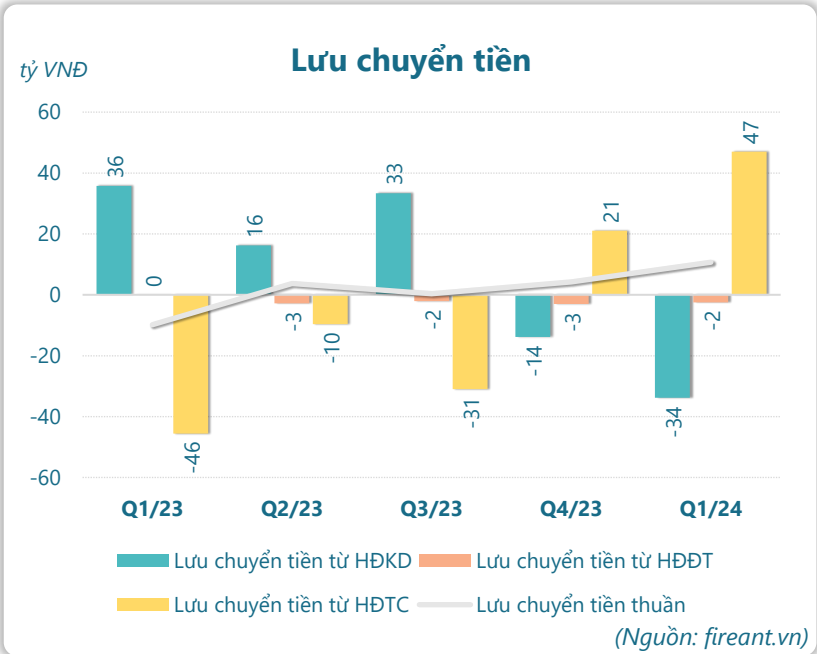
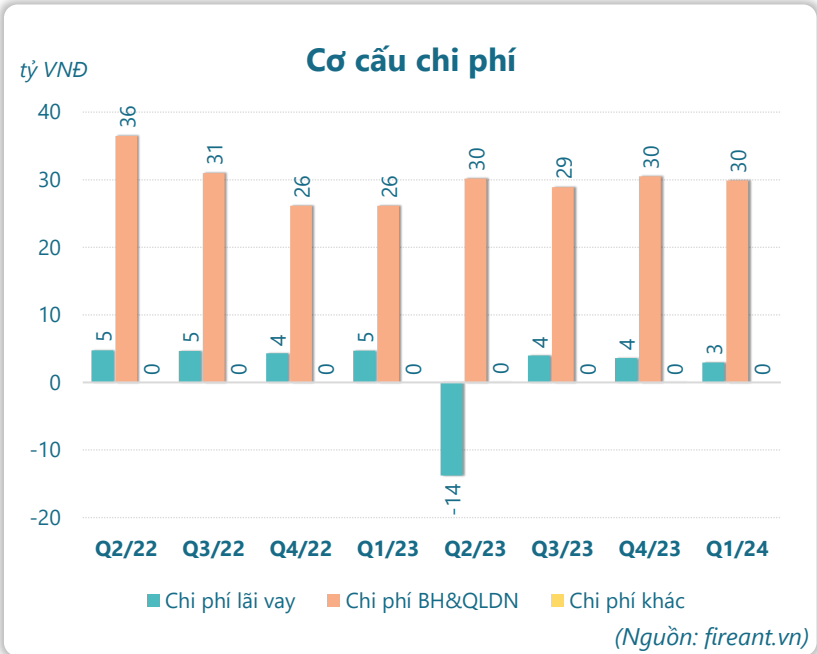
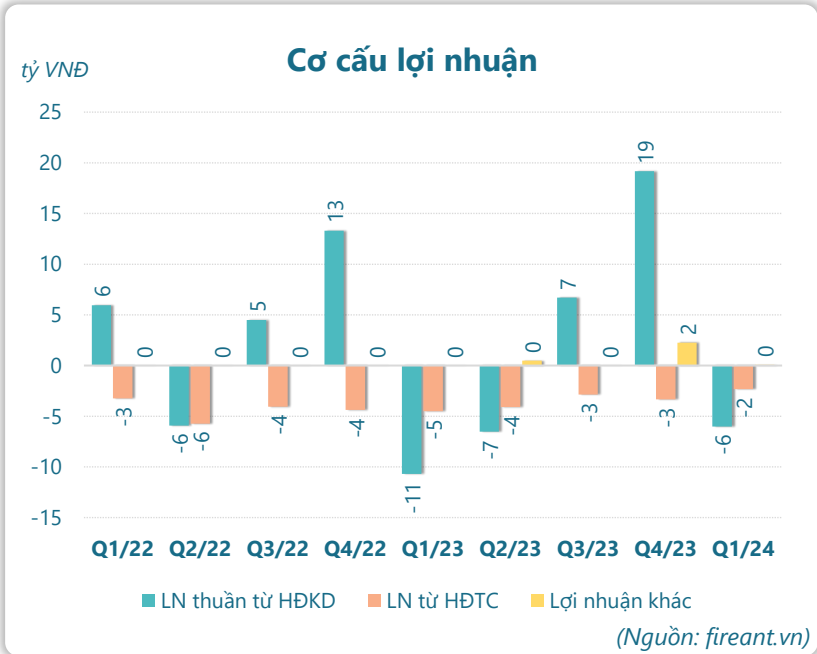
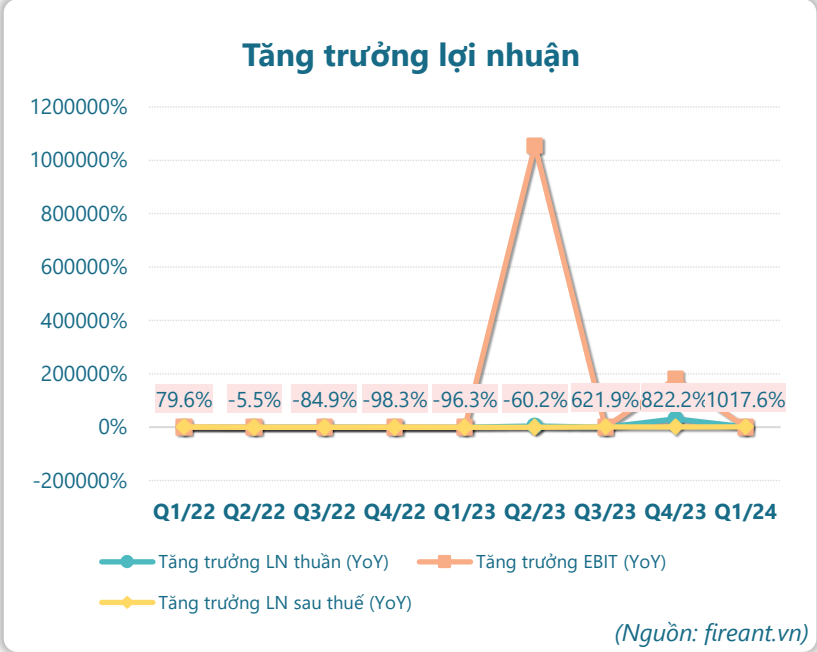
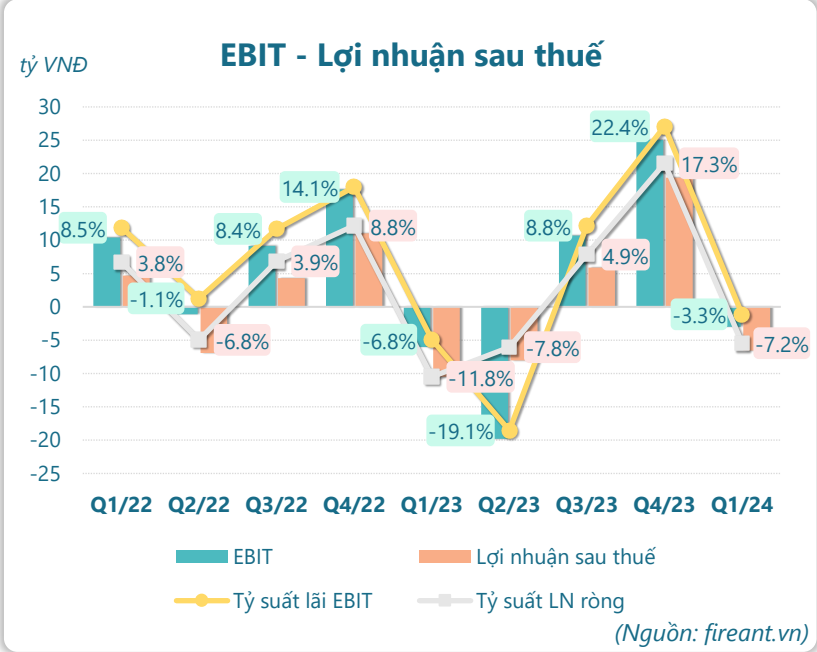
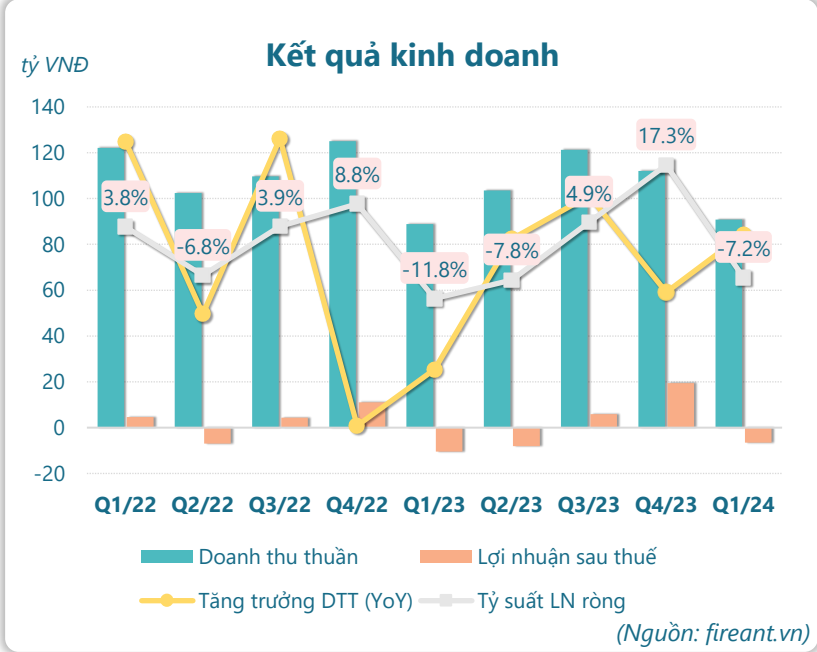
ROE

2023

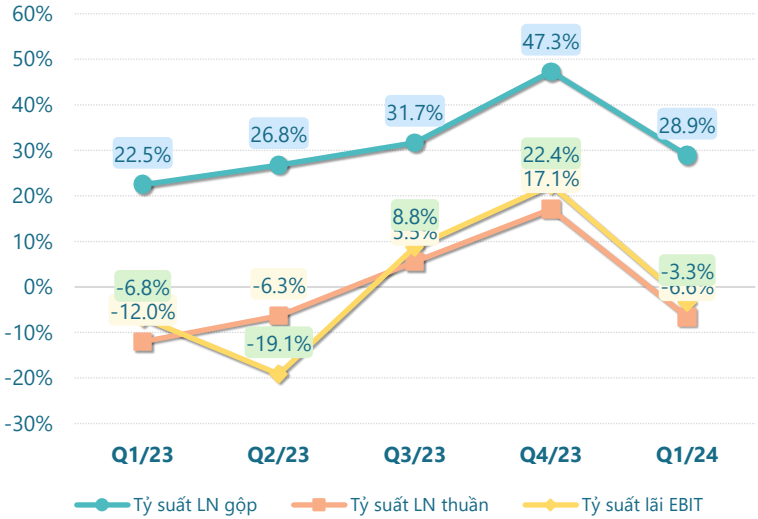
1.3%

+/- YoY: ▼ 1.2%



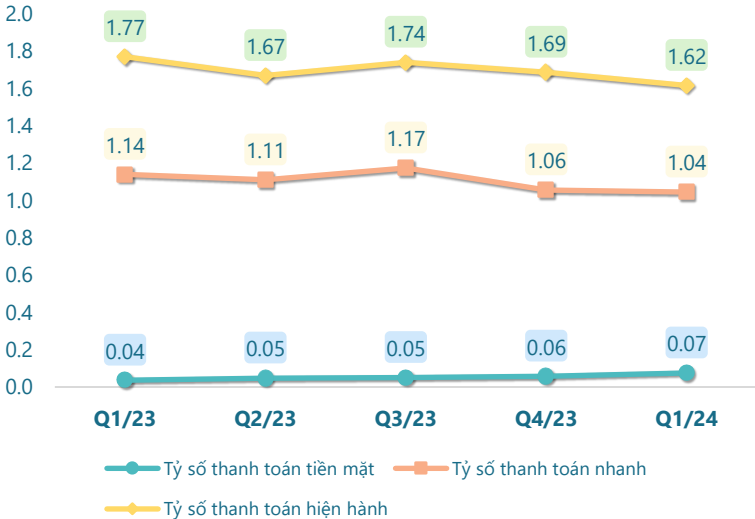


Tỷ suất lợi nhuận



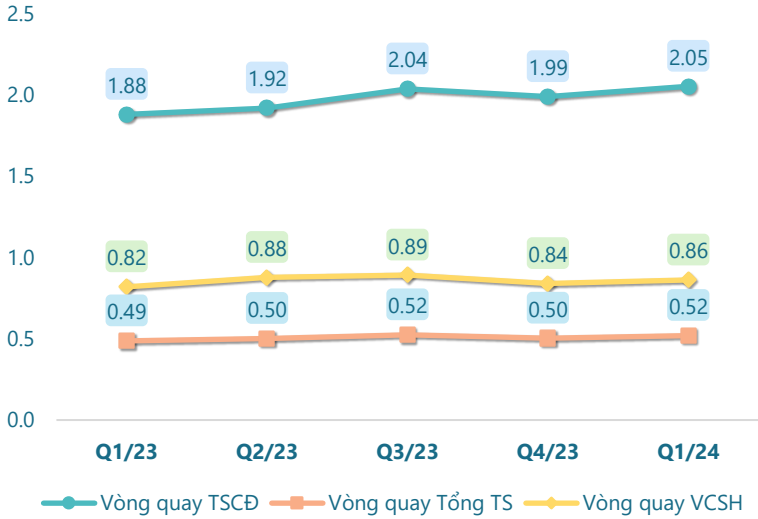
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



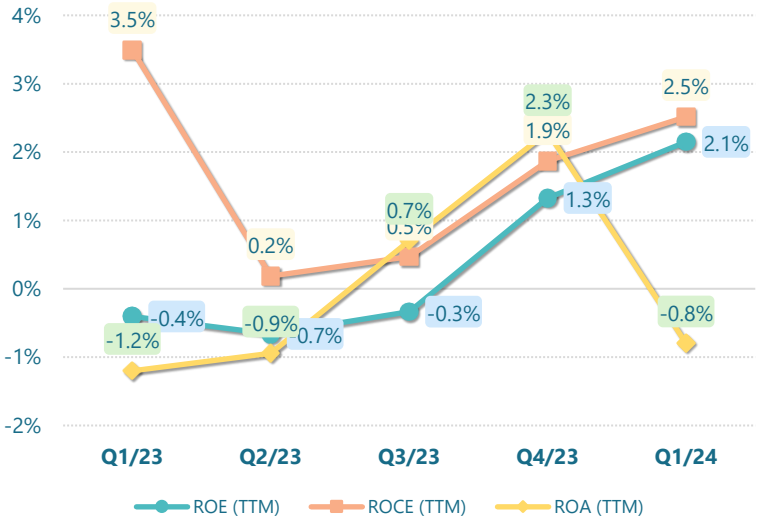
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



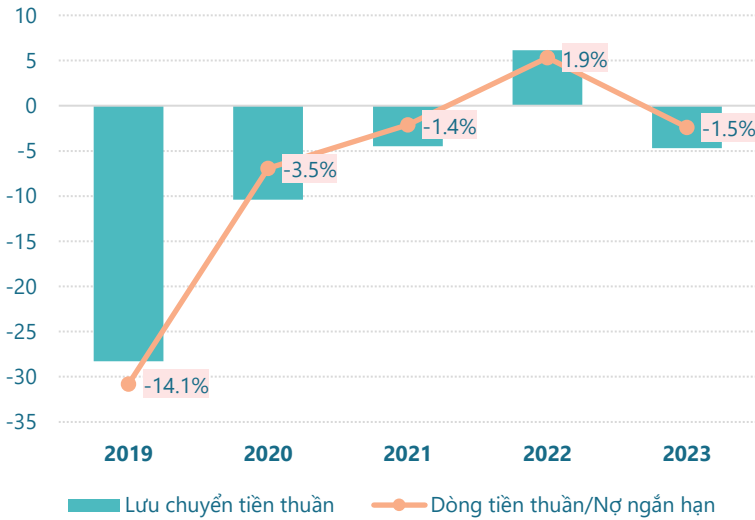
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



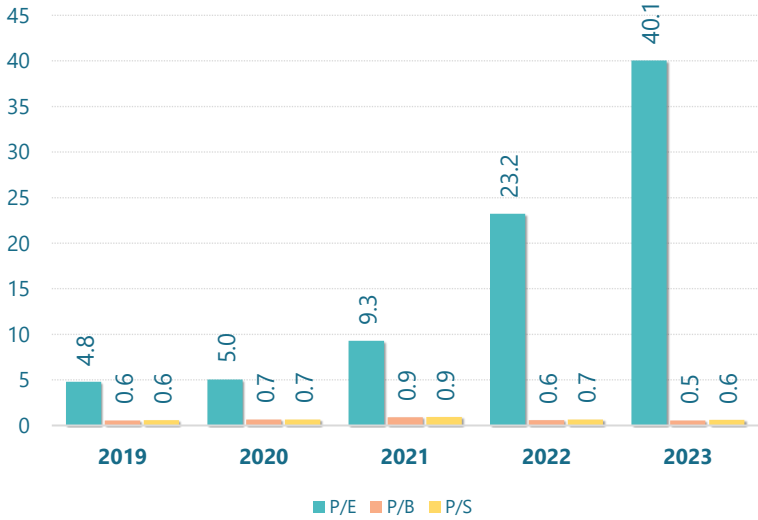
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)